Ký bởi HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 35/2025/NQ-HĐND	*Thanh Hóa, ngày 04 tháng 10 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ tiền ăn thêm, tiền mua bảo hiểm y tế và chi phí sinh hoạt khác đối với một số nhóm đối tượng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các đơn vị do Sở Y tế và Sở Nội vụ quản lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số 208/TTr-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ tiền ăn thêm, tiền mua bảo hiểm y tế và chi phí sinh hoạt khác đối với một số nhóm đối tượng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các đơn vị do Sở Y tế và Sở Nội vụ quản lý; Báo cáo thẩm tra số 1243/BC-VHXH ngày 04 tháng 10 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ tiền ăn thêm, tiền mua bảo hiểm y tế và chi phí sinh hoạt khác đối với một số nhóm đối tượng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các đơn vị do Sở Y tế và Sở Nội vụ quản lý.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ tiền ăn thêm, tiền mua bảo hiểm y tế và chi phí sinh hoạt khác đối với một số nhóm đối tượng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các đơn vị do Sở Y tế và Sở Nội vụ quản lý.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các đơn vị do Sở Y tế quản lý.

b) Đối tượng con đẻ của người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các đơn vị do Sở Nội vụ quản lý.

Điều 2. Hỗ trợ tiền ăn thêm đối với một số nhóm đối tượng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các đơn vị do Sở Y tế và Sở Nội vụ quản lý

1. Hỗ tiền ăn thêm ngày Lễ, Tết đối với đối tượng bảo trợ xã hội, con đẻ của người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các đơn vị do Sở Y tế và Sở Nội vụ quản lý:

a) Đối với các ngày nghỉ Lễ, Tết, bao gồm các ngày: Tết Dương lịch (01 ngày), ngày Giỗ Tổ Hùng Vương (01 ngày), ngày Chiến thắng 30/4 (01 ngày), ngày Quốc tế lao động (01 ngày), ngày Quốc khánh (02 ngày): mức hỗ trợ bằng 03 lần mức tiêu chuẩn ngày thường (mức tiêu chuẩn ngày thường thực hiện theo quy định khoản 1 Điều 25 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ và áp dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ).

b) Đối với các ngày nghỉ Tết Âm lịch (05 ngày): Mức hỗ trợ bằng 05 lần mức tiêu chuẩn ngày thường (mức tiêu chuẩn ngày thường thực hiện theo quy định khoản 1 Điều 25 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ và áp dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ).

2. Hỗ trợ tiền ăn thêm hằng tháng đối với trẻ em đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại Làng Trẻ em SOS Thanh Hóa và con đẻ của người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ thương tổn cơ thể từ 61% đến 81% đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại Trung tâm Chăm sóc, nuôi dưỡng người có công Thanh Hóa để bằng mức trợ cấp chăm sóc, nuôi dưỡng hằng tháng của đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ và áp dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

Điều 3. Hỗ trợ tiền mua Bảo hiểm y tế và chi phí sinh hoạt khác đối với trẻ em đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại Làng Trẻ em SOS Thanh Hóa bằng mức của đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 25 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chính sách do ngân sách tỉnh đảm bảo hằng năm.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 04 tháng 10 năm 2025.

2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết:

a) Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ tiền ăn thêm đối với một số nhóm đối tượng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các đơn vị do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý.

b) Nghị quyết số 43/2024/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ tiền ăn thêm đối với một số nhóm đối tượng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các đơn vị do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý; bổ sung một số chính sách đối với trẻ em đang được nuôi dưỡng tại Làng Trẻ em SOS Thanh Hóa.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, Kỳ họp thứ 34 thông qua ngày 04 tháng 10 năm 2025./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, Y tế, Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Thanh Hóa;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, VHXH.

CHỦ TỌA

Lê Tiến Lam
Phó Chủ tịch Thường trực
Hội đồng nhân dân tỉnh